TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07/01/2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

Bà Phạm Thị Ánh Tuyết

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long*:** Ông Phạm Thành Được - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 396/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2020 về việc "Xin ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 152/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Bùi Trung H**, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2020 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Vào năm 2001 chị X và anh Bùi Trung H đã tiến đến hôn nhân, có làm lễ cưới theo phong tục, đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 79 ngày 31/12/2002 tại UBND xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Thời gian đầu kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và anh H thường xuyên ăn nhậu, không lo làm ăn nên vợ chồng thường hay cự cãi nhau. Bản thân chị X đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng và nhiều lần khuyên ngăn anh H thay đổi để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng càng gay gắt hơn khi anh H hay say xỉn và đánh đập, chửi mắng chị X. Chị X đã ly thân với anh H từ tháng 8/2020 đến nay, hiện chị X đang sinh sống tại nhà cha mẹ ruột. Do mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị X yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H

+ Về con chung: Chị X và anh H không có con chung.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản hòa giải ngày 01/12/2020 bị đơn anh Bùi Trung H trình bày như sau:

Thống nhất với lời trình bày của chị X về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Về mâu thuẫn vợ chồng: anh H thừa nhận là anh có ăn nhậu nên mới dẫn đến mâu thuẫn với chị X. Chị X và anh đã ly thân từ tháng 8/2020 đến nay, hiện chị X đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống.

Nay theo yêu cầu của chị X thì anh có ý kiến như sau: Anh H không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị X vì anh vẫn còn thương chị, muốn hàn gắn với chị X.

+ Về con chung: Anh và chị X không có con chung.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi hòa giải anh H tự ý bỏ về, không ký tên vào Biên bản hòa giải tại Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Tại phiên tòa, chị X trình bày chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Bùi Trung H vắng mặt tại phiên xét xử.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: Thẩm quyền thụ lý vụ án đúng theo Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh tình trạng hôn nhân đúng theo quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trình tự thủ tục giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 197 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử: đúng quy định theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, cấp tống đạt văn bản tố

tụng cho những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Trung H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét thấy hôn nhân giữa chị X và anh H thật sự là trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì chị X đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 8/2020 cho đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 "vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình" nhưng ở đây chị X và anh H không thực hiện mà bỏ mặc cho hậu quả xảy ra, không tìm cách khắc phục. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhằm hàn gắn hạnh phúc gia đình anh H có tham gia nhưng không đồng ý ly hôn và không ký vào biên bản hòa giải mà tự ý bỏ về do đó hòa giải không thành, chị X kiên quyết ly hôn còn anh H thì không đồng ý.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Bùi Trung H.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị X khai không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Trung H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị X và anh Bùi Trung H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 79 ngày 31/12/2002 tại UBND xã B nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị X: Chị X trình bày trong thời gian chung sống anh H và chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh H chỉ lo ăn nhậu, không chăm lo cuộc sống vợ chồng. Chị X đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn chia sẻ và tôn trọng nhau, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị X yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ xem xét theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình

Xét thấy anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ nhưng anh H vẫn vắng mặt và cũng không có mặt tại phiên xét xử. Quá trình xác minh tại địa phương Trưởng ấp A, xã B xác nhận chị X và anh H không còn sống chung, về mâu thuẫn vợ chồng thì chính quyền địa phương không nắm rõ do chị X và anh H không có trình báo. Anh H cũng thừa nhận anh có ăn nhậu nên mới dẫn đến mâu thuẫn với chị X. Cả hai không còn sống chung mà đã ly thân từ tháng 8/2020, hiện chị đang ở nhà cha mẹ ruột, từ thời gian ly thân đến nay Tòa án đã cho thời gian để hai vợ chồng đoàn tụ nhưng anh H vẫn không đưa ra được biện pháp nào hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị X. Điều này thể hiện anh H không còn tha thiết đến hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn gia đình đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X với anh H.

[4] Về con chung: Chị X và anh H xác định hai anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Bùi Trung H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Bùi Trung H.

2. Về con chung: Chị X và anh H xác định hai anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Bùi Trung H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006070 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chị Nguyễn Thị X đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã B: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Thị Mai Ka